

PHƯƠNG THỨC TUYỂN DỤNG QUAN LẠI CHO BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC Ở THẾ KỶ XVII-XVIII

TRẦN THỊ VINH*

Trong lịch sử Trung đại Việt Nam, đã từng tồn tại một loại hình *chính quyền nhà nước đặc biệt* vào giai đoạn lịch sử thế kỷ XVII-XVIII, đó là loại hình *chính quyền nhà nước kép* hay còn gọi là *chế độ quân chủ lưỡng đầu - vua và chúa* cùng điều hành chính sự. Thể chế quân chủ một vua hai chúa: *vua Lê - chúa Trịnh ở Đàng Ngoài* và *chúa Nguyễn ở Đàng Trong* đã hình thành nên hai hệ thống chính quyền nhà nước riêng biệt, đó là *chính quyền Lê-Trịnh* và *chính quyền các chúa Nguyễn*. Hai hệ thống chính quyền này, cùng song song tồn tại và cùng có những cách thức riêng để duy trì sự bền vững. Một trong những cách thức không thể thiếu cho sự tồn tại của chính quyền Lê-Trịnh cũng như chính quyền các chúa Nguyễn là *phương thức tuyển dụng quan lại cho bộ máy chính quyền nhà nước*. Phương thức tuyển dụng quan lại, tuy cùng được hai chính quyền tiến hành trên cùng một đất nước, cùng có chung một hoàn cảnh lịch sử, nhưng lại diễn ra ở hai miền trong hai điều kiện lịch sử khác nhau nên bên cạnh những điểm chung, còn mang những nét riêng biệt của từng miền.

I. Phương thức tuyển dụng quan lại cho bộ máy chính quyền nhà nước của triều đình Lê-Trịnh ở Đàng Ngoài

Chính quyền Lê-Trịnh được xây dựng và kiện toàn trong thế kỷ XVII-XVIII tương đối qui mô với một cơ cấu khá công kênh, gồm hai hệ thống: *Chính quyền ở trung ương* và *chính quyền ở các địa phương*.

Tổ chức chính quyền trung ương thời Lê-Trịnh cũng là một loại hình tổ chức chính quyền kép: *Một bên ở triều đình vua Lê và một bên ở phủ chúa Trịnh*.

Vào buổi đầu Trung hưng, cơ cấu chung của tổ chức chính quyền nhà Lê, cơ bản vẫn phỏng theo qui chế của thời Hồng Đức. Tổ chức chính quyền vẫn gồm ba bộ phận chính là: *Các cơ quan thuộc nền hành chính trung ương; Các cơ quan kiểm soát và tổ chức quân đội*.

Các cơ quan thuộc nền hành chính trung ương, lúc đầu bao gồm: *Những văn thư phòng giúp việc bên vua; Các cơ quan đầu não tại triều đình và các cơ quan chuyên môn*.

Các cơ quan đầu não tại triều đình, lúc đầu mới chỉ có tổ chức *Lục bộ* và giúp việc *Lục bộ* có *Lục tự*.

* PGS-TS. Viện Sử học.

Đến khi họ Trịnh thế tập tước vương, được phép lập phủ chúa (1599) thì cơ cấu tổ chức chính quyền nhà nước Lê - Trịnh bắt đầu có thêm nhiều cơ quan mới thuộc về phủ chúa.

Trước khi có phủ chúa, trong các cơ quan thuộc nền hành chính trung ương mới chỉ có những văn thư phòng giúp việc bên vua, thì lúc này vừa có thêm những *văn phòng giúp việc riêng cho vua*, vừa những *văn phòng giúp việc riêng cho chúa* lại vừa có những *văn phòng giúp việc chung cho cả vua lẫn chúa*.

Các cơ quan đầu não tại triều đình cũng được lập thêm một bộ phận quan trọng nữa bên phủ chúa, là các *phiên*, gồm *sáu phiên (Lục phiên)*, tương ứng với *sáu bộ (Lục bộ)* bên triều đình. Bên cạnh Lục phiên còn có *Lục cung* cùng phối hợp làm việc. Đó là chưa kể nhiều loại cơ quan khác nữa.

Để điều hành bộ máy chính quyền nhà nước đặt ra hết sức công kênh như trên của thời kỳ này, đương nhiên phải có một đội ngũ quan chức đông đảo, nhưng đội ngũ quan chức này lấy từ đâu và được tuyển dụng như thế nào?

Xuất phát từ tình hình chính trị - xã hội trong giai đoạn lịch sử thế kỷ XVII-XVIII, đất nước luôn có chiến tranh, cơ cấu quan chức của chính quyền Lê - Trịnh có đặc điểm là *thiên về trọng võ*. Đội ngũ quan võ được coi trọng và được giữ những trọng trách cao hơn quan văn.

Thời kỳ đầu, chỉ có võ quan cao cấp đứng đầu *Ngũ phủ* mới được tham dự triều chính và giải quyết các việc quốc gia đại sự tại phủ chúa. Sau khi chiến tranh Trịnh-Nguyễn chấm dứt, năm 1673, Trịnh Tạc mới bắt đầu hạ lệnh cho *văn thân* được vào hầu trong phủ chúa để bàn luận công việc, gọi là "*nhập các*" (1). Tại các trấn, đơn vị

hành chính đứng đầu chính quyền địa phương, trước đây họ Trịnh cũng chỉ cho toàn võ quan tin cẩn đứng ra đảm nhiệm, thì sau đó, từ năm 1721, Trịnh Cương đã *bắt đầu cho quan văn vào giữ trọng trách này*, như việc dùng Tham tụng Đinh Phủ Ích làm Đốc trấn Lạng Sơn (2) chẳng hạn. Và cũng vào thời gian này (đời Bảo Thái 1720-1729), *quan văn bắt đầu được giữ những chức vụ ở Ngũ phủ*, mà trước đây chỉ quan võ mới được làm, như Quốc lão Đặng Đình Tường giữ chức *Chương phủ sự* và *Tham tụng Nguyễn Công Cơ* giữ chức *Thự phủ sự* v.v... (3). *Chương phủ sự*, *Thự phủ sự* là chức quan cao cấp ở Ngũ phủ thuộc ngạch võ mà trước đó họ Trịnh chỉ chuyên dùng các trọng thần thân thuộc hay người có công vào làm thì đến đây những *văn thân* làm việc bên *Phủ liêu* cũng đã *bắt đầu được được tham dự*.

Với sự kiện đưa *văn thân* vào làm việc trong *phủ chúa*, trong *Ngũ phủ* và làm *Đốc trấn* (chức quan đứng đầu chính quyền địa phương) chứng tỏ *vị trí và vai trò của quan văn bắt đầu được xem trọng trong bộ máy chính quyền nhà nước*.

Do quan văn bắt đầu được coi trọng và có vị trí trong bộ máy chính quyền nhà nước, nên công việc đầu tiên để bổ sung đội ngũ quan lại cho bộ máy chính quyền nhà nước thời Lê - Trịnh là hình thức mở mang *khoa cử*.

1. Khoa cử - phương thức tuyển dụng quan lại chủ yếu của Chính quyền Lê - Trịnh

Chế độ *giáo dục* và *khoa cử* từ xưa đã là phương thức đào tạo quan lại chủ yếu của các triều đại phong kiến quân chủ. Suốt từ thời Lý-Trần, Hồ, Lê sơ, Mạc đến Lê Trung hưng, *khoa cử* đã đạt được những thành tựu đáng kể trong sự nghiệp văn hoá giáo

dục. Đặc biệt là dưới triều Lê Thánh Tông, chế độ khoa cử được coi là thịnh hành nhất, tiếp theo là triều Mạc, sự nghiệp khoa cử cũng đạt được thành tựu lớn thứ hai (sau triều Lê Thánh Tông). Cho đến thời Lê Trung hưng ở thế kỷ XVII-XVIII, triều đình Lê-Trịnh vẫn coi *khoa cử là phương thức chủ yếu để đào tạo quan lại cho bộ máy chính quyền nhà nước* bên cạnh những hình thức khác.

Buổi đầu Trung hưng, khi chưa có điều kiện mở rộng khoa cử, để trọng dụng nhân tài, thu phục những người tài giỏi vào giúp việc triều đình, nhà Lê đã đặt ra những kỳ thi gọi là *Chế khoa* (4) lấy đậu *Tiến sĩ xuất thân* và *Đồng Tiến sĩ* theo thứ bậc khác nhau. Những kỳ thi Chế khoa này được mở tại Hành cung An Trường (Vạn Lại, Thọ Xuân, Thanh Hóa) vào các năm 1554 đời vua Lê Trung Tông, năm 1565 đời vua Lê Anh Tông và 1577 đời vua Lê Thế Tông (5). Đến năm 1580, nhà Lê mới bắt đầu cho khôi phục lại khoa *thi Hội*, cũng đặt tại Hành cung Vạn Lại và ba năm sau đó (1583) (6), triều đình mới định lại *thể lệ 3 năm mở một lần* như trước kia. Sau khi đánh thắng nhà Mạc, vua Lê trở về Thăng Long, năm 1595 đã cho hội các cống sĩ ở bờ sông Nhị Hà (sông Hồng) tổ chức thi *Đình*, lấy đỗ Tiến sĩ xuất thân và Đồng tiến sĩ xuất thân (7).

Tuy buổi đầu Trung hưng, việc thi cử đã được khôi phục, nhưng hầy còn sơ lược và chưa đi vào điển chế.

Sang thế kỷ XVII, thể lệ thi cử mới được chỉnh đốn lại một cách qui củ hơn. Năm 1664, dưới thời vua Lê Huyền Tông, Trịnh Tạc đã cho định lại điều lệ thi *Hội* (8), qui định cụ thể từng điều, từng khoản, về trường thi, người thi, cách thức thi, cách làm bài thi cũng như quan chấm thi v.v...

(9). Thể lệ này được duy trì suốt trong thời Lê Trung hưng.

Đến năm 1678, dưới thời vua Lê Hy Tông, thể lệ *thi Hương* cũng được qui định lại gồm 16 điều. Các quan châu, huyện, có nhiệm vụ khảo hạch học trò, người nào thông văn lý, gọi là đỗ *Tứ trường*, thông vừa gọi là đỗ *Tam trường*. Sách *Cương mục* gọi hai hạng sĩ tử này là *Toàn thông* và *Thứ thông*. Toàn thông là hạng học trò thi được thể văn bốn kỳ (tứ trường), Thứ thông là học trò thi đủ được thể văn ba kỳ (tam trường) (10). Những loại học trò này số lượng được qui định là: Huyện lớn 20 người, huyện vừa 15 người, huyện nhỏ 10 người (11). Người đỗ Tứ trường được cùng với sinh đồ các khóa trước, đưa đi thi riêng, vì thế *người có học ít khi bị bỏ sót* (12). Định kỳ thi Hương, cũng ba năm mở một lần. Ngày học trò vào trường thi Hương, bắt đầu từ mồng 8 tháng 8. Số lượng học trò ứng thí được qui định là: Xã lớn 20 người, xã vừa 15 người, xã nhỏ 10 người, xã nào ít học trò thì không bố buộc theo qui định đó (13).

Hiệu quan (viên phụ trách giáo dục ở các phủ) có nhiệm vụ khảo hạch sinh đồ đã đỗ tại các khoa trước trong phủ mình, người nào thông hiểu văn lý được xếp vào hạng hay chữ, người nào hơi kém xếp vào hạng thứ hai, *người nào trở biếng bỏ học sẽ không được thi* (14).

Thể thức làm bài thi qui định, phải dùng ý nghĩa *hồn hậu đầy đủ*, nếu bài làm mang ý nghĩa *phù bạc hay rập khuôn* theo *sáo cũ* thì sẽ bị *nhất luật đánh hỏng* (15).

Quan lại được cử vào làm việc tại trường thi cũng qui định như sau:

Đối với trường thi ở phủ Phụng Thiên (phụ cận Kinh thành), chức *Giám thí* (Phó chủ khảo) dùng viên *Đô cấp sự*.

Đối với trường thi ở tứ trấn (Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây) và Thanh Nghệ, chức *Đề điều* (Chánh chủ khảo) và *Giám thí* đều cử một viên quan đại thân trong hàng văn ban.

Đối với trường thi ở ngoại trấn (Thái Nguyên, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn và Yên Quảng), chức *Đề điều* và *Giám thí* thì dùng *quan chức* trong hai ty *Thừa chính* và *Hiển sát*.

Ở các trường thi trên, chức *Giám khảo* dùng *viên chức* trong *Viện Hàn lâm* hoặc các *Khoa*, các *Đạo*; chức *Đồng khảo* thì dùng các chức *Lãng trung*, viên *Ngoại lang* và các viên *Huấn*, *Giáo* ở phủ huyện đã từng thi Hội trúng được ba kỳ là người có văn chương, có danh dự và đức vọng v.v... (16).

Để đề phòng gian trá, giả mạo và mối tệ đội quyển làm gà, việc *nhận diện* và *điểm mục* thí sinh cũng được qui định vào đúng ngày học trò vào trường thi, *Hiệu quan* và *Xã trưởng* phải đến cửa trường *nhận diện học trò*. Đối với *Hương cống* các khoa thi trước mà có quan chức thì phải tập hợp điểm mục trước cửa *điện đình*, còn thí sinh khác phải tập hợp điểm mục tại *Quốc tử giám*. Ai vắng mặt thì người có trách nhiệm sẽ hạch tâu lên trên để trị tội (17).

Tất cả những qui định trên, bắt đầu được tiến hành và từ đó cứ 3 năm lại có một kỳ thi Hương được tổ chức tại các trấn: Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Yên Quảng, phủ Phụng Thiên và 2 xứ Thanh Hóa, Nghệ An. Sau này do ngoại trấn ít người đi thi, mới được triều đình cho gộp vào thi chung với các trường thi ở tứ trấn.

Cứ sau một năm của mỗi kỳ thi Hương là triều đình lại tổ chức một kỳ thi Hội. Từ

đó việc thi cử được tiến hành khá đều đặn và chế độ thi cử vẫn theo như trước. Chỉ tính các khoa thi *Hội*, thi *Đình*, theo *Đăng khoa lục*, kể từ khoa thi chính thức đầu tiên (năm 1580) đến khoa thi cuối cùng (năm 1787), không kể các khoa thi *Chế khoa*, *Sĩ vọng* và *Hoành từ*, nhà Lê Trung hưng đã mở được 68 khoa thi, lấy đỗ được 717 *Tiến sĩ* - một lực lượng sĩ phu khá lớn bổ sung vào bộ máy chính quyền nhà nước. Những người đỗ đại khoa rất được triều đình trọng vọng và được qui định hưởng những quyền lợi về: áo mũ khi vào chầu; cờ quạt chiêng trống đón rước khi vinh qui về làng; nhà cửa dinh thự được dân làng làm sẵn trước khi vinh qui; thi đỗ từ *Đồng tiến sĩ* trở lên đều được bổ nhiệm những chức vụ từ *Khoa đạo* trở lên tới *Hàn lâm viện*, chứ không bổ làm quan phủ, huyện. Nếu phải bổ ra ngoài hai ty *Thừa*, *Hiển* thì cũng bổ làm chức Chánh chứ không phải làm Phó... Với sự đãi ngộ như vậy, nên thời kỳ này đã có rất nhiều người *đổ xô vào việc đi học và đi thi*.

Tuy nhiên, theo sử sách ghi chép lại thì việc thi cử ở thời Lê Trung hưng đã bị xuống cấp không còn giữ được tính nghiêm túc như thời Lê Thánh Tông trước đó. Theo sách *Khoa mục chí* trong *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, thì: "*Từ Lê Trung hưng, học giả chỉ chuộng nắn nót từng câu, văn chương ngày càng kém cõi quê mùa... chỉ học thuộc lòng rồi theo đúng sách viết ra, không có ý kiến gì khác. Thơ, phú, tứ lục thì đều chép theo bài cũ, không sợ trùng kiến* (giống nhau)" (18). Thấy tình hình chất lượng thi cử giảm sút, ngay từ những năm cuối thế kỷ XVII, sau khoảng hai, ba thập kỷ khôi phục lại phép thi Hội, thi Hương, triều đình Lê-Trịnh đã ra lệnh cho các học trò phải "*trở lại văn thể thời Hồng Đức*". Lệnh này được ban hành

vào năm 1694 (19) và qui định cho học trò *“làm văn phải tùy theo đề ra”, “từ khi phải hôn hậu, không được chép lại bài cũ”* (20).

Sang thế kỷ XVIII, vào năm 1711, triều đình còn cho *định lại văn thể thi Hương* (21). Vì trước đó, quan trường hay dùng đề thi có sẵn của các kỳ thi trước, không hề thay đổi gì. Học giả phần nhiều làm bài sẵn đem bán. Học trò đi thi chỉ việc mua về học thuộc hoặc giấu đem vào trường thi, chép nguyên si. Quan chấm thi cứ theo văn mà lấy đỗ, trùng kiến cũng mặc, cho nên *người đỗ không thực tài*. Đến đây triều đình ra lệnh cho các quan trường phải tùy ý ra đề, không được theo lối cũ. Nhờ thế cái: *“tệ tục khoa trường mới đổi hẳn được”* (22). Nhưng, tình hình cũng không cải thiện được là bao. Đến năm 1720, triều đình phải định *lệ chúa ra đề thi Hương*, không để cho quan trường ra đề thi nữa và coi trường ba, trường tư là kỳ thi quyết định của học trò. Đề thi được quan Kinh, nghĩ ở trong phủ, rồi đệ trình lên, chúa phê duyệt, gọi là *Ngự đề*. Để đề phòng tệ gian lận, đến kỳ thi Hương, chúa sai người chạy trạm chia đề cho các trường, duy chỉ có Thanh Hóa và Nghệ An ở xa, thì cho quan Hiến sát được khâm sai mở sách ra đề như lệ cũ. Còn các trường thi ở tứ trấn thì phải dùng *Ngự đề* bắt đầu từ đây (23). Năm sau (1721), triều đình còn định ra phép *khảo hạch thi Hương*. Đến kỳ thi Hương, huyện quan được giao trách nhiệm khảo hạch học trò, số người được cử đi thi, tùy theo huyện lớn, huyện nhỏ. Huyện lớn 200 người, huyện vừa 150 người, huyện nhỏ 100 người. Những người giỏi được chọn đưa lên Phủ doãn hay hai ty khảo kỹ lại, chia làm hạng *Sảo thông* và hạng *Thứ thông* để định loại ưu hay liệt (24).

Về thi *Hội*, năm 1725, triều đình đã qui định cách chấm quyển. Các quan trường

được xét tuyển thi *Hội* và *hội đồng*, để chấm. Cách thức chấm: một người đọc, một người nghe, xét cho thỏa đáng rồi mới định lấy đỗ hay đánh hỏng. Qui định này được thi hành thành lệ thường về sau.

Đến năm 1732, triều đình lại thi hành lệ *khảo hạch thi Hương* cũ. Vì theo qui định cũ, nho sinh và sĩ tử thi lệ theo quan huyện, người năng văn thì lệ theo Hiệu quan. Nhưng từ đầu đời Bảo Thái (1720-1729) lại cho phủ quan giữ việc khảo, huyện quan và hiệu quan giữ việc *hội đồng* chấm. *“Việc ít người nhiều, dân sinh ra tệ”, “dư luận xôn xao”* nên triều đình bắt phải thi hành theo lệ cũ (25). Cũng trong đời Bảo Thái, còn cho bỏ cả lệ thi *ứng chế*. Túc tiến sĩ đã vinh qui rồi, lại phải triệu về kinh để thi thơ và luận ở điện Vạn Thọ. Người nào hợp cách mới được cấp bằng và thăng cấp gọi là *ứng chế*. Đến năm 1733, triều đình lại cho khôi phục phép cũ (26).

Về phép thi *Hương*, năm 1741, triều đình cũng cho thi hành lại lệ cũ, để *“người thực tài không bị bỏ sót”* và *“dấu con nhà thế gia cũng không có kẻ đỗ lạm”* (27).

Nhưng rồi, do tư tưởng Nho giáo ngày càng suy giảm, từ giữa thế kỷ XVIII trở đi, tình hình học tập thi cử cũng bị sa sút dần, khoa cử không còn mang tính nghiêm túc như xưa, sĩ tử không còn coi việc học là nền tảng của học vấn mà họ đã biến khoa cử thành nơi buôn bán danh vị. Từ năm 1750, người ta có thể nộp 3 quan tiền để được vào dự kỳ thi *Hương* mà không phải qua kỳ thi khảo hạch. Chính vì thế mà *“người làm ruộng, người đi buôn, cho chí người hàng thịt, người bán vật, cũng đều làm đơn, nộp tiền xin đi thi cả. Ngày vào thi đông đến nỗi dày xéo lên nhau, có người chết ở cửa trường”* (28). Cảnh thi cử bằng con đường mua bán này đã gây ra lộn xộn ở chốn quan trường *“nào là mang sách, nào là hỏi chữ,*

nào mượn người thi thay, công nhiên làm bậy, không còn biết phép tắc là gì" (29). Để đến nỗi "Những người thực tài mười phần không đâu một" và "sinh đồ ba quan" thì "đây rầy cả thiên hạ" (30). Phan Huy Chú đã phải lên tiếng than phiền về sự hủ bại của nền Nho học khoa cử lúc bấy giờ là: "Người trên do đó lấy tiền mà không ngại, kẻ dưới nộp tiền để được mưu đồ mà không thẹn, làm cho trường thi trở thành chỗ buôn bán" (31).

Nhìn chung, vào thời Lê-Trịnh, khoa cử vẫn được coi trọng và qui chế thi cử vẫn theo như trước (thời Hồng Đức), nhưng nội dung có khác trước về cách học từ chương sáo rỗng, không trọng chất lượng, các sĩ tử đều chạy theo con đường đỗ đạt thành danh vọng, chứ không lấy thực học làm đầu, nên *đội ngũ quan lại chất lượng không cao*. Điều đó đã ảnh hưởng không ít đến hoạt động chung của bộ máy chính quyền nhà nước của thời kỳ này.

Bên cạnh hình thức tuyển dụng chủ yếu bằng *khoa cử* thì hình thức *tiến cử* cũng được coi là một trong phương thức tuyển dụng quan lại *cần thiết* cho bộ máy chính quyền ở thời kỳ này.

2. Tiến cử

Vì việc trọng đãi công thần trong công cuộc Trung hưng phò Lê diệt Mạc nên Nhà nước Lê-Trịnh vẫn còn coi trọng chế độ *tiến cử* con cháu công thần vào làm quan. Thời kỳ này, những triều thần và những quan lại ở địa phương đều có quyền *tiến cử* những người họ hàng thân cận hoặc những quan lại cấp dưới mình, đưa lên Thừa ty hay Lại phiên khảo xét, để bổ nhiệm quan chức.

Đối với những "công thần" thì con cháu của họ *đời đời được ăm phong*, còn con

cháu những quan lại không phải là công thần thì chỉ được ăm phong có hạn định thời.

"Công thần" thời Trung hưng bao gồm, những bề tôi có công trong sự nghiệp diệt trừ quân Mạc, từ đời vua Lê Trang Tông (1533-1548) đến vua Lê Thế Tông (1573-1599), cùng những quân thần đã từng theo xa giá vua Lê Thần Tông (1619-1643) vào Thanh Hóa và có công trong cuộc dẹp loạn Trịnh Xuân vào năm 1623. Những người này con cháu của họ cũng *đời đời được ăm phong*.

Những quan lại được *ăm phong* thì con cháu họ, có người dù không tài cán gì cũng được hưởng nhiều đặc quyền đặc lợi trong xã hội và được gia nhập vào đẳng cấp trên, được mang tước phẩm và được miễn trừ mọi sai dịch. Lối tiến cử theo kiểu như vậy, tất nhiên cũng đã *ảnh hưởng không ít đến chất lượng của đội ngũ quan lại* thời kỳ này.

Vì thế, vào năm 1677, hai viên Tham tụng Nguyễn Mậu Tài và Hồ Sĩ Dương đã xin triều đình cho *giảm bớt* số quan lại được ăm phong. Theo qui định vào năm này, thì: *Công thần khai quốc* (những quan lại có công trong sự nghiệp đánh đuổi giặc Minh, sáng lập ra triều Lê), hàng võ từ Đô đốc, hàng văn từ Thị lang trở lên; *Công thần Trung hưng*, hàng võ từ đô đốc Đồng tri, Đô đốc thêm sự, hàng văn từ Thị lang, Ngự sử trở lên, mới cho con cháu họ *đời đời được phong ăm*. Còn những quan lại cũng trong hàng văn võ mà *chưa được dự phong "công thần"*, thì bên ngạch võ từ Tam thái (Thái sư, Thái phó, Thái bảo), Tam thiếu (Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo) đến Đô đốc đồng tri, Đô đốc thêm sự; bên ngạch văn, từ Tam thái, Tam thiếu, Thượng thư đến Thị lang, con cháu họ chỉ được *năm đời ăm phong* mà thôi. Các chức dưới nữa, thì

cứ theo thứ tự mà giảm dần: Hàng võ, từ Tứ phẩm trở xuống có quận công; hàng văn những người trúng trường đã từng được trao cho giữ chức Tá nhị, thì con cái những người này đều là *quan viên tử* (32).

Do được hưởng nhiều đặc quyền đặc lợi dẫn đến tình trạng phong ám cho *công thần* đời khai quốc và đời Trung hưng phần nhiều là giả mạo và lạm dụng, cũng như thể lệ phong ám cho con cháu quan văn, quan võ, cấp bậc, chưa được rõ ràng (33). Nên tiếp đến năm 1722, Tham tụng Nguyễn Công Hãng đã bàn với triều đình, lại xin cho rút bớt đặc quyền phong ám của *công thần* và được triều đình ấn định lại là: Những *công thần khai quốc*, thế thứ quá xa, nay chỉ cho một người *chi trưởng* được đời đời thừa ám. Những *công thần Trung hưng*, thế thứ hơi gần thì con cháu vẫn đời đời được thừa ám. Những bầy tôi văn võ không ở vào đời khai quốc và đời Trung hưng, mà người nào vì công trạng được dự vào hạng *công thần* thì theo phẩm tước cao thấp mà chuẩn định cho con cháu thừa ám hoặc năm đời, hoặc bốn đời, hoặc ba đời... (34). Còn những quan lại không thuộc hạng *công thần* thì: Đối với quan từ nhị phẩm trở lên, chỉ cho con và cháu được làm *quan viên tử*, *quan viên tôn* và cho một người chất trưởng làm *quan viên tôn* nữa. Đối với quan tam phẩm, tứ phẩm, thì cho con và cháu làm *quan viên tử*, *quan viên tôn*. Đối với quan ngũ phẩm, lục phẩm, thì cho con được làm *quan viên tử* và một người cháu trưởng làm *quan viên tôn*. Đối với quan thất phẩm, bát phẩm, thì cho các con được làm *quan viên tử*. Đối với những người mới được trao quan chức cùng cửu phẩm và tạp lưu thì con cái không được làm *quan viên tử* mà chỉ cho một người con trai được miễn trừ sai dịch thôi (35).

Việc được phong ám và tiến cử bừa bãi, không thực tài cũng đã góp thêm một nhân tố dẫn đến tình trạng *chất lượng đội ngũ quan liêu bị giảm sút và có phần sâu mọt* do đội ngũ quan lại thế tập được hưởng nhiều đặc quyền nhưng thực quyền không có là bao.

Hơn thế nữa, vì do thiếu hụt ngân sách đặc biệt là ngân sách trong chiến tranh, nên ở thời kỳ này, triều đình Lê-Trịnh còn cho phép mở rộng con đường *mua bán* quan tước, tức hình thức *nộp tiền* hay *nộp thóc* để được trao quan tước.

3. Hình thức mua bán quan tước (hay nộp tiền thóc được trao quan tước)

Vào thời kỳ này, trong *khoa cử* đã xuất hiện việc dùng tiền để được vào trường thi mà không cần phải qua kỳ thi khảo hạch dẫn đến tình trạng "*sinh đồ ba quan đầy rẫy cả thiên hạ*" như vừa trình bày ở phần trên, thì nhà nước còn hợp thức hóa việc *nộp tiền*, *nộp thóc* để trao quan tước và thăng chức tước cho nhiều người, đây cũng là một khía cạnh nữa trong cách thức tuyển dụng quan lại của triều đình Lê-Trịnh.

Việc nhà nước quân chủ cần tiền đã huy động những nhà giàu trong nước nộp tiền hoặc thóc rồi cho quan tước, tuy có từ thời nhà Trần (năm 1362) và nhà Lê sơ (năm 1460, 1499), nhưng, những chức quan được phong tặng ở các thời điểm trên, chẳng qua chỉ là *hư danh* và người được phong tặng cũng chỉ là để khỏi phải gánh vác những dao dịch cần thiết của nhà nước.

Còn ở thời Lê-Trịnh thì việc *mua bán quan tước* đã trở thành *phổ biến* và người mua cũng đã được bổ nhiệm những chức quan thực thụ chứ không phải hư hàm nên hình thức *nộp tiền* hay *nộp thóc* để lấy quan tước cũng được coi như là một trong

những phương thức tuyển dụng quan lại quan trọng không kém gì phương thức khoa cử của thời kỳ này.

Sử cũ còn ghi lại nhiều lần về những sự kiện triều đình Lê-Trịnh ban hành tới dân, lệnh *dâng tiền* và *nộp thóc* rồi cho quan chức. Ví dụ: Năm 1721, dưới đời vua Lê Dụ Tông, triều đình có lệnh chỉ rằng “ai *dâng thóc* thì cho quan tước và người nào *nộp tiền thật hay tiền giấy* thì cho chức phẩm” (36).

Đến năm 1740, dưới đời vua Lê Ý Tông, triều đình lại có chỉ truyền cho quan dân trong nước, người nào tình nguyện *dâng tiền thóc* thì cho làm tờ khải nộp ở Chính đường... sẽ chiếu số tiền thóc ban cho chức phẩm theo mức độ khác nhau, kể cả quan lại lẫn dân thường. Đối với quan lại, văn võ từ lục phẩm trở xuống, quan thị nội giám từ ngũ phẩm trở xuống, *dâng tiền 500 quan* cho thăng chức một bậc. Đối với dân thường chưa có chức thì định lệ: *dâng 2.500 quan* cho chức Tri phủ ở nha rất nhiều việc; *1.500 quan* thì cho chức Tri phủ ở nha nhiều việc; *1.200 quan* thì cho chức Tri huyện ở nha rất nhiều việc; *1.000 quan* thì cho chức Tri huyện ở nha nhiều việc; *750 quan* thì cho chức Tri huyện, Tri châu ở nha nhiều việc vừa; *500 quan* thì cho chức Tri huyện, Tri châu ở nha ít việc; *350 quan* thì cho hàm Tri huyện, Tri châu không có thực nhiệm; *250 quan* thì cho hàm Bát, Cửu phẩm (37).

Hai năm sau (1742), dưới đời vua Lê Hiến Tông, triều đình lại chuẩn định lệ *dâng tiền* cho chức tước.

Theo qui định của năm này thì, những viên quan đã có chức phẩm mà *cung tiến tiền* thì được thăng bổ theo thứ bậc khác nhau. Chẳng hạn: các chức Điền bạ, Huấn đạo, Tri bạ, Sở sứ, Phó sở sứ, Tri sự, nếu

dâng 250 quan thì thăng các chức Tri huyện, Tri châu, *dâng 400 quan* thì thăng các chức Tụ thừa, Điện tiền; các chức Tri huyện, Tri châu *dâng 250 quan* thì thăng các chức Tụ thừa, Điện tiền, *dâng 600 quan* thì thăng các chức Tri phủ và Tri huyện ở nha nhiều việc, *dâng 700 quan* thì thăng các chức Điền thư và Tri phủ ở nha ít việc, *dâng 900 quan* thì thăng Tri huyện ở nha rất nhiều việc, *dâng 1.100 quan* thì thăng Tri phủ ở nha nhiều việc, *dâng 1.300 quan* thì thăng Tri phủ ở nha rất nhiều việc. Các viên quan đã từng làm việc *dâng 300 quan* thì được thăng một bậc. Binh lính ở trong ngoài *dâng 160 quan* thì cho chức Bách hộ (38).

Tất nhiên, những người chưa có chức phẩm mà *cung tiến tiền*, thì cũng được cho tước phẩm theo thứ tự khác nhau, như: *Dâng 250 quan* cho các chức Huấn đạo, Phó sở, Tri sự; *dâng 300 quan* cho các chức Điền bạ, Tri bạ, Sở sứ; *dâng 350 quan* cho các chức Tri huyện, Tri châu, Huyện thừa, Đồng tri châu; *dâng 500 quan* cho các chức Tụ thừa, Điện tiền và Huyện quan ở nha ít việc; *dâng 800 quan* cho chức Phủ quan và chức Huyện quan ở nha nhiều việc; *dâng 900 quan* cho chức Điền thư và chức Phủ quan ở nha ít việc; *dâng 1.100 quan* cho chức Huyện quan ở nha rất nhiều việc; *dâng 1.300 quan* cho chức Phủ quan ở nha nhiều việc; *dâng 1.500 quan* cho chức Phủ quan ở nha rất nhiều việc (39).

Đến năm 1748, triều đình lại định lệ *dâng tiền thóc* được thăng bổ quan chức.

Theo qui định của năm này thì: Quan văn võ từ các chức dự ban châu trở lên. Thị nội giám từ chức Phụng ngự trở lên, *dâng 200 quan tiền* thì được thăng chức một bậc. Văn từ chân trúng trường và Thuộc viên các Bộ, các Tụ; võ từ chức chưa dự ban châu đến thuộc viên, Nội giám từ chức tiểu

chưa có chức phẩm, mà *cung tiến tiền thóc* thì được thăng chức đều theo lệ định, *dâng càng nhiều càng thăng nhiều*. Duy hai chức Tham nghị và Hiến phó là quan một địa phương, *viên nào tình nguyện cung tiến tiền thóc* thì nên chiếu theo nha nhiều việc, nha ít việc mà nghị riêng. *Dâng 800 quan* thì được chức Phủ quan ở nha rất nhiều việc, *dâng 700 quan* thì được chức Phủ quan ở nha nhiều việc vừa, *dâng 600 quan* thì được chức Huyện quan ở nha rất nhiều việc, *dâng 300 quan* thì được chức Huyện quan ở nha nhiều việc vừa và ở nha ít việc, *dâng 250 quan* thì được chức Huyện quan không thực nhiệm, *dâng 200 quan* thì được các chức Điển bạ, Tri bạ, Sở sử, *dâng 180 quan* thì được các chức Huấn đạo, Tri sự, Phó sở sử, *dâng 120 quan* thì được chức Cai hợp, *dâng 100 quan* thì được chức Thủ hợp (40).

Đối với người chưa có chức phẩm mà *cung tiến tiền thóc* thì cũng được theo lệ ấy.

Người đã có chức phẩm thì cứ *dâng thêm mỗi 100 quan* được thăng một bậc. Chánh ngũ phẩm trở lên, *dâng mỗi 200 quan* được thăng một bậc. Tông tam phẩm trở lên, *dâng mỗi 300 quan* được thăng một bậc. Tước Tử, tước Nam thì mỗi bậc là *100 quan tiền quý*. Người nào tình nguyện *dâng thóc* thì chiếu giá thóc tính thành tiền mà cho thăng bổ (41).

Tiếp đến năm 1760, triều đình Lê-Trịnh *lại định lệ dâng thóc để cho chức tước*. Vì năm ấy trong nước được mùa, nhà nước cho *cung tiến thóc* để chứa đầy kho và người nào *dâng thóc* được thăng bổ chức nhiệm, theo số thóc nhiều, ít mà định thứ bậc khác nhau.

Theo qui định của năm này thì: Quan văn võ dự ban châu và Thị nội giám từ Ngũ phẩm trở lên, *dâng thóc*, đều theo số thóc

nhiều ít cho thăng chức tước phẩm trật. Quan văn võ và Thị nội giám từ Lục phẩm trở xuống cùng các quan Phụng thị, *dâng thóc 10.000 bát* thì cho thăng chức một bậc. *Dâng thóc 5 vạn bát quan đồng hoặc 625 quan tiền* quý thì bổ chức Tri phủ ở nha nhiều việc vừa; *dâng thóc 4 vạn bát quan đồng hoặc 500 quan tiền* quý thì bổ chức Tri huyện ở nha rất nhiều việc; *dâng thóc 3 vạn bát quan đồng hoặc 375 quan tiền* quý thì bổ chức Tri huyện ở nha nhiều việc vừa; *dâng thóc 1 vạn bát quan đồng hoặc 125 quan tiền* quý thì bổ chức Huyện thừa không có thực nhiệm và chức Huấn đạo thực nhiệm; *dâng thóc 8.000 bát quan đồng hoặc 100 quan tiền* quý thì bổ chức Bát, Cửu phẩm không thực nhiệm; các viên bổ thừa và không có thực nhiệm xin bổ thì cho vào nha rất nhiều việc hay nhiều việc vừa, đều cứ chiếu cấp bậc phải *dâng* mà giảm đi một phần ba (42).

Tất cả những lối *mua bán* quan tước theo kiểu trên đã làm cho số lượng quan chức của thời Lê-Trịnh ngày càng gia tăng, chất lượng quan lại thì ngày càng suy giảm và tình trạng ăn bám, nhũng lạm lại có nhiều cơ hội để phát triển.

Thực trạng trên đây, chúng tỏ phương thức tuyển dụng quan lại vào làm quan trong bộ máy chính quyền nhà nước thời Lê-Trịnh đã *mang nhiều mặt hạn chế*. Quan lại không những ngày càng bị yếu kém, ít năng lực, thiếu trách nhiệm mà tính sâu mọt, đục khoét lại ngày càng tăng. Phan Huy Chú cũng đã nói rõ thực trạng này trong sách *Quan chức chí* của ông rằng: "*Chức phẩm là trọng, không thể mua bán được. Thế mà đem vật quý của nhà nước để làm mối lợi, vốn không phải là việc nên có ở đời thịnh trị. Song đời Quang Thuận (Lê Thánh Tông - TG), quan phẩm trao cho người dâng thóc còn là chức tước*

quan bậc thấp, chưa là hại lắm. Đến đời Vinh Hựu, Cảnh Hưng (Lê Trung hưng - TG) trở về sau, các chức Phủ Huyện nhiều việc đều đặt ra thành giá. Những chức mà sĩ phu phải vất vả nhiều năm và nhiều trường thi mới được, nay dân thường đều có thể lấy tiền thóc mà đổi được ngay. Thế là việc chọn người bổ quan thành quá lạm... Quan chức cho bừa, làm gì mà chả đến tệ như Hán mạt, Tấn suy" (43).

Thực trạng này cũng đã nói lên sự sa sút của chính quyền quân chủ phong kiến quan liêu thời Lê-Trịnh - thể chế chính trị hết sức đặc biệt trong lịch sử của chế độ quân chủ Việt Nam. Một thể chế quân chủ, nhưng không tập trung quyền hành và không có được một cơ sở xã hội vững chắc làm nền tảng dẫn đến sự sa sút là điều không tránh khỏi trong lịch sử của các thế kỷ XVII-XVIII.

(Còn nữa)

CHÚ THÍCH

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn. *Việt sử thông giám cương mục, Chính biên* (viết tắt là *Cương mục*), bản dịch Nxb. Giáo dục, Hà Nội 1998, tập II, q.33, tr. 331.

(2). *Cương mục, Chính biên*, tập II, Sdd, q.35, tr. 428.

(3). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, bản dịch Nxb. Sử học, Hà Nội, 1961, tập II, tr. 27. *Cương mục, Chính biên*, tập II, Sdd, q. 36, tr. 459.

(4). *Chế khoa* là khoa thi đặc biệt, mở để chọn lấy người tài giỏi.

(5), (6), (7). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, bản dịch Nxb. Sử học, Hà Nội 1961, tập III, tr. 16, 17.

(8), (9). *Cương mục, Chính biên*, tập II, Sdd, q. 33, tr. 302.

(10), (11). *Cương mục, Chính biên*, tập II, Sdd, q. 34, tr. 344.

(12). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập III, Sdd, tr. 17.

(13), (14), (15), (16), (17). *Cương mục, Chính biên*, tập II, Sdd, q. 34, tr. 343, 344-345.

(18), (19), (20), (21). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập III, Sdd, tr. 17-18.

(22), (23), (24), (25), (26). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập III, Sdd, tr. 18.

(27), (28), (29), (30), (31). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập III, Sdd, tr. 19.

(32). *Cương mục, Chính biên*, tập II, Sdd, q. 34, tr. 342.

(33), (34), (35). *Cương mục, Chính biên*, tập II, Sdd, q. 36, tr. 431,432.

(36), (37), (38), (39). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II, Sdd, tr. 94.

(40), (41), (42), (43). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II, Sdd, tr. 95.